

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Thực hiện Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;*

*Sau khi xem xét Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về đánh giá tình hình thực hiện thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2021 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022
của thị xã Vĩnh Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2021 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu với một số nội dung và chỉ tiêu chủ yếu
như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 55.700 triệu đồng.

2. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 596.998 triệu đồng.

Trong đó: thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp là 50.170 triệu
đồng;

3. Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 596.998 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm theo các Phụ lục)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thị xã thống nhất với các nhóm giải pháp đã nêu
trong báo cáo, đồng thời cần lưu ý một số giải pháp như sau:

- Về thu: tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, hạn chế
nợ đọng thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; quản lý chặt chẽ các khoản thu

phí, lệ phí và các khoản thu theo quy định vào ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ và chủ động xử lý không để phát sinh mới tiền nợ thuế. Quan tâm thực hiện tốt quy chế phối hợp, có giải pháp tăng cường công tác thu thuế, ngăn chặn hành vi trốn thuế; thực hiện nghiêm và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định đối với các khoản nợ khó thu.

- Về chi: Ủy ban nhân dân thị xã quan tâm chỉ đạo, điều hành chi ngân sách các cấp trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trong năm 2022 được đảm bảo theo Luật Đầu tư công. Tăng cường công tác chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong thực hiện dự án. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị và ngân sách các cấp. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và đóng góp của nhân dân theo đúng quy định.

- Giữa 2 kỳ họp nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh dự toán ngân sách, Hội đồng nhân dân thị xã giao Ủy ban nhân dân thị xã trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét quyết định và báo cáo với Hội đồng nhân dân thị xã trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khoá XII, kỳ họp thứ 4 nhất trí thông qua vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính, Xây dựng;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND-UBND, UBMTTQ thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã khoá XII;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - ĐT) thị xã;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT. NC. *ma*



CHỦ TỊCH

Trà Khol

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	Tổng chi ngân sách thị xã	596.998
A	Chi bổ sung cho ngân sách xã	53.258
1	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã	45.052
2	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã	8.206
B	Chi ngân sách cấp thị xã theo lĩnh vực	507.503
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	37.305
	Trong đó: Chi đầu tư cho các dự án	37.305
II	Chi thường xuyên	451.994
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục	315.070
2	Chi đào tạo & dạy nghề	5.949
3	Chi y tế	2.227
4	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	2.758
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.164
6	Chi bảo vệ môi trường	8.212
7	Chi các hoạt động kinh tế	39.988
8	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	37.406
9	Chi đảm bảo xã hội	35.095
10	Chi quốc phòng	2.679
11	Chi an ninh	446
12	Chi thường xuyên khác	1.000
III	Dự phòng ngân sách	10.995
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.209
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.237
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.237



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

DVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	TỔNG SỐ	451.994	315.070	5.949	2.227	2.758	1.164	8.212	39.988	3.000	600	37.406	3.125	35.095	1.000
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	2.632		2.632											
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1.998				1.998									
3	Đài truyền thanh	1.164					1.164								
4	Văn phòng HĐND&UBND	11.038										5.519	0	0	0
-	Kinh phí quản lý hành chính	3.243										3.243			
-	Kinh phí đảm bảo hoạt động UBND thị xã	600										600			
-	Kinh phí hoạt động HĐND, đại biểu HĐND thị xã	1.033										1.033			
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành	192										192			
-	Kinh phí hoạt động của HD 68 theo ND 161/ND-CP	451										451			
5	Phòng Nội vụ	1.844										1.044			800
6	Phòng Lao động-TB&XH	36.279										1.184		35.095	
-	Kinh phí quản lý hành chính	1.139										1.139			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	45											45			
7	Phòng Tư pháp	508											508			
8	Phòng Văn hóa & Thông tin	1.110											1.110			
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.521											1.521			
10	Phòng Kinh tế	2.689								600		600	1.489			
-	Kinh phí quản lý hành chính	1.374											1.374			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	115											115			
11	Phòng Tài nguyên & Môi trường	8.787								8.212			575			
12	Thanh tra	922											922			
-	Kinh phí quản lý hành chính	866											866			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	56											56			
13	Phòng Giáo dục & Đào tạo	316.375	315.070										1.305			
14	Phòng Quản lý đô thị	3.810								3.000	3.000		810			
-	Kinh phí quản lý hành chính	766											766			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	44											44			
15	Phòng Y tế	2.349			2.227								122			
16	Phòng Dân tộc	537											537			
17	Văn phòng Thị ủy	9.971		1.050									8.921			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
	Trong đó: Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo ND 161/ND-CP	241											241			
18	Ủy ban MTTQVN thị xã Vĩnh Châu	873											873			
19	Thị đoàn	789											789			
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	807											807			
21	Hội Nông dân	906											906			
22	Hội Cựu chiến binh	636											636			
23	Hội Chữ thập đỏ	457											457			
24	Hội Nạn nhân CĐ da cam	126											126			
25	Hội Khuyến học	126											126			
26	Hội Chiến sĩ CMBĐBTĐ	69											69			
27	Hội Luật gia	126											126			
28	Hội Người Cao tuổi	126											126			
29	Hội Người mù	159											159			
30	Ban chỉ huy quân sự thị xã	2.679												2.679		
	Trong đó: hỗ trợ chi quốc phòng xã, phường	0														
31	Đồn biên phòng Vĩnh Châu	30												30		
32	Đồn biên phòng Vĩnh Hải	30												30		
33	Đồn biên phòng Lai Hòa	30												30		
34	Công an	446												446		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
35	Hỗ trợ Tòa án nhân dân	30											30			
36	Hỗ trợ Viện Kiểm Sát nhân dân	30											30			
37	Hỗ trợ Chi cục Thi hành án (Bao gồm kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo thi hành án dân sự)	80											80			
38	Hỗ trợ Chi cục Thống kê	30											30			
39	Hỗ trợ Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	30											30			
40	Chi khác ngân sách	200														200
41	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	41.208	0	2.267	0	760	0	0	36.388	0	0	1.793	0	0	0	0
-	Các khoản chi không tự chủ	1.393										1.393				
-	Ứng dụng công nghệ thông tin	200										200				
-	Cải cách hành chính	200										200				
-	Chi đào tạo dạy nghề	2.267		2.267												
-	Chi sự nghiệp kinh tế	36.388							36.388							
+	Kinh phí kiến thiết đô thị	20.000							20.000							
+	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa	2.320							2.320							
+	Kinh phí quy hoạch	5.000							5.000							
+	Duy tu sửa chữa các lộ GTNT do xã, phường quản lý	1.000							1.000							
+	Quy hoạch sử dụng đất	200							200							
+	Chi sự nghiệp kinh tế khác	7.868							7.868							
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao	760				760										



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	509.528	681.494	596.998	-84.496	87,60
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	46.190	44.789	50.170	5.381	112,02
1	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	41.990	38.035	44.170	6.135	116,13
2	Thu ngân sách thị xã từ các khoản thu phân chia	4.200	6.754	6.000	-754	88,84
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	463.338	560.165	546.828	-13.337	97,62
1	Bổ sung cân đối	397.756	397.756	510.591	112.835	128,37
2	Bổ sung có mục tiêu	65.582	162.409	36.237	-126.172	22,31
IV	Thu kết dư		56.824		-56.824	0,00
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.716		-19.716	0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	509.528	723.827	561.387	259.012	110,18
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	443.946	439.382	525.150	80.561	118,29

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
1	Chi đầu tư phát triển	35.505	36.217	37.305	1.800	105,07
2	Chi thường xuyên	393.170	396.851	469.641	76.471	119,45
3	Dự phòng ngân sách	8.705	6.314	10.995	2.290	126,31
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.566		7.209	1.038	109,79
II	Chi các chương trình mục tiêu	65.582	214.688	36.237	178.451	55,25
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		37.976			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	65.582	176.712	36.237	-29.345	55,25
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		15.773			
IV	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		53.983			



CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	Ngân sách cấp thị xã					
I	Nguồn thu ngân sách	509.528	681.494	596.998	-84.496	87,60
1	Thu ngân sách cấp thị xã hưởng theo phân cấp	46.190	44.789	50.170	5.381	112,01
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	463.338	560.165	546.828	-13.337	97,62
-	Bổ sung cân đối	397.756	397.756	510.591	112.835	128,37
-	Bổ sung có mục tiêu	65.582	162.409	36.237	-126.172	22,31
3	Thu kết dư		56.824		-56.824	0,00
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.716	0	-19.716	0,00
II	Chi ngân sách	509.528	662.789	591.808	82.280	116,15
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thị xã	458.554	396.767	538.550	79.996	117,45
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường	50.974	202.514	53.258	2.284	104,48
-	Chi bổ sung cân đối	41.210	40.105	45.052	3.842	109,32

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
-	Chi bổ sung có mục tiêu	9.764	162.409	8.206	-1.558	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		19.716		-	
4	Chi kết dư		43.792			
B	Ngân sách xã, phường					
I	Nguồn thu ngân sách	52.941	106.997	58.448	-48.549	54,63
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.427	4.500	5.190	690	115,33
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thị xã	46.514	96.948	53.258	-43.690	54,93
-	Bổ sung cân đối	41.359	40.105	45.052	4.947	112,34
-	Bổ sung có mục tiêu	5.155	56.843	8.206	-48.637	
3	Thu kết dư		4.124		-4.124	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.425		-1.425	-
II	Chi ngân sách	52.941	101.139	58.448	5.507	110,40

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	3	4	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng thu NSNN	49.900	44.789	55.700	50.170	111,62	112,02
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	15.031	14.914	16.000	15.870	106,45	106,41
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.472	1.472	2.500	2.500	169,84	169,84
-	Thuế giá trị gia tăng	13.442	13.442	13.370	13.370	99,46	99,46
-	Thuế tài nguyên	53		60		113,21	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	64		70		109,38	
-	Thu khác						
2	Thuế thu nhập cá nhân	5.597	5.597	11.000	11.000	196,53	196,53
3	Lệ phí trước bạ	8.575	8.575	14.000	14.000	163,27	163,27
4	Thu phí, lệ phí	1.968	1.476	2.700	1.300	137,20	88,08
5	Thu tiền sử dụng đất	11.256	6.754	10.000	6.000	88,84	88,84
6	Thu khác ngân sách	2.000	2.000	2.000	2.000	100,00	100,00
7	Thu từ DNNN	5.473	5.473				



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	438.517	543.740	105.223	124,00
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	389.237	507.503	118.266	130,38
I	Chi đầu tư phát triển	35.505	37.305	1.800	105,07
1	Chi đầu tư cho các dự án	35.505	37.305	1.800	105,07
II	Chi thường xuyên	338.461	451.994	113.533	133,54
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	250.972	321.019	70.047	127,91
2	Chi y tế	1.495	2.227	732	148,96
3	Chi văn hóa thông tin - thể thao	2.542	2.758	216	108,50
4	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.063	1.164	101	109,50
5	Chi bảo vệ môi trường	12.342	8.212	-4.130	66,54
6	Chi các hoạt động kinh tế	33.319	39.988	6.669	120,02
7	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	31.492	37.406	5.914	118,78
8	Chi đảm bảo xã hội	1.900	35.095	33.195	1.847,11
9	Chi quốc phòng	2.242	2.679	437	119,49
10	Chi an ninh	374	446	72	119,25
11	Chi thường xuyên khác	720	1.000		
III	Chi dự phòng ngân sách	8.705	10.995	2.290	126,31
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.566	7.209	643	109,79
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	49.280	36.237	-13.043	73,53
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49.280	36.237		73,53
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn cân đối NSDP	6.000	0		0,00
-	Trụ sở UBND xã Lạc Hòa	6.000		-6.000	-
2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	43.280	36.050	-7.230	83,29

2.1	Trường Mầm non Vĩnh Phước	14.730		-14.730	
2.2	Trường Mầm non Lai Hòa	14.050		-14.050	
2.3	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 1	14.500		-14.500	
2.4	Trường Tiểu học Lạc Hòa 2		3.545		
2.5	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 2		3.700		
2.6	Trường THCS Lạc Hòa		1.700		
2.7	Trường Mầm Non Vĩnh Phước		9.105		
2.8	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1		9.000		
2.9	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1		9.000		
3	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	16.302	187	-15.791	1,15
-	Vốn sự nghiệp	16.302	187	-15.791	1,15
+	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	4.973		-4.973	0,00
+	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	1.813		-1.813	0,00
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, ấp đặc biệt khó khăn	6.727		-6.727	0,00
+	Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo			0	0,00
+	Hỗ trợ kinh phí thu gom, xử lý rác địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số			0	0,00
+	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	176	187	11	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	2.289		-2.289	0,00
+	Kinh phí thực hiện chính sách đối với giáo viên mầm non	324		-324	



PL 06-DT

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách thị xã	Chia ra	
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	543.740	485.292	58.448
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	507.503	449.055	58.448
I	Chi đầu tư phát triển	37.305	37.305	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.000	6.000	
II	Chi thường xuyên	451.994	393.546	58.448
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	321.019	321.019	
III	Chi dự phòng ngân sách	10.995	10.995	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.209	7.209	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.237	36.237	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.237	36.237	
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn xổ số kiến thiết	36.050	36.050	
-	Trường Tiểu học Lạc Hòa 2	3.545	3.545	
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 2	3.700	3.700	
-	Trường THCS Lạc Hòa	1.700	1.700	
-	Trường Mầm non Vĩnh Phước	9.105	9.105	
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1	9.000	9.000	
-	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	9.000	9.000	
2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	187	187	
2.1	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	187	187	



PL 09-DT

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thị xã	Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường
			Tổng số	Thu NS xã, phường hưởng 100%	Thu NS xã, phường được hưởng từ các khoản phân chia		
A	B	1	2	3	4	5= 8 - 2	8
	Tổng số	7.015	5.190	3.365	1.825	45.052	50.242
1	Phường 1	4.020	2.195	370	1.825	2.610	4.805
2	Phường 2	230	230	230		5.582	5.812
3	Phường Vĩnh Phước	650	650	650		5.309	5.959
4	Phường Khánh Hòa	340	340	340		5.340	5.680
5	Xã Vĩnh Tân	275	270	270		4.372	4.642
6	Xã Lai Hòa	425	425	425		4.791	5.216
7	Xã Vĩnh Hải	375	375	375		3.753	4.128
8	Xã Lạc Hòa	255	260	260		4.648	4.908
9	Xã Hòa Đông	265	265	265		4.746	5.011
10	Xã Vĩnh Hiệp	180	180	180		3.901	4.081

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	Tổng cộng	8.206		8.206	
A	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao đầu năm	4.350		4.350	
01	Phường 1	354		354	
02	Phường 2	480		480	
03	Phường Vĩnh Phước	415		415	
04	Phường Khánh Hòa	460		460	
05	Xã Vĩnh Tân	440		440	
06	Xã Lai Hoà	500		500	
07	Xã Vĩnh Hải	415		415	
08	Xã Lạc Hoà	483		483	
09	Xã Hòa Đông	427		427	
10	Xã Vĩnh Hiệp	376		376	
B	Dự toán để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao trong năm	3.856		3.856	



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỪNG XÃ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	BAO GỒM			
			Thuế giá trị gia tăng	Thu phí và lệ phí	Phí môn bài	Thu khác ngân sách
	TỔNG SỐ	7.015	5.630	415	470	500
1	Phường 1	4.020	3.650	80	240	50
2	Phường 2	230	120	45	15	50
3	Phường Vĩnh Phước	650	480	65	55	50
4	Phường Khánh Hòa	340	235	35	20	50
5	Xã Vĩnh Tân	270	160	40	20	50
6	Xã Lai Hoà	425	290	40	45	50
7	Xã Vĩnh Hải	375	265	30	30	50
8	Xã Lạc Hòa	260	155	35	20	50
9	Xã Hòa Đông	265	175	25	15	50
10	Xã Vĩnh Hiệp	180	100	20	10	50